

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2026/DS-PT

Ngày: 18 – 5 – 2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Nam Trung.

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2025/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 590/2026/QĐPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 510/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thúy L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số H, đường H, khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số G, đường C, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969, (có mặt).

2.2. Ông Võ Văn B, sinh năm 1966, (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Bá L1, sinh năm 1972.

3.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Ông Trần Văn S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A, khu dân cư T, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ, (vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ H1, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long, (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị H và ông Võ Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Bà và vợ chồng bà H, ông B có quen biết nhau vì cùng kinh doanh mua bán gạo. Ngày 14/01/2025, vợ chồng bà H, ông B có mượn bà số tiền là: 13.125.000.000^d (mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng), có viết biên nhận nhận tiền với bà L, thoả thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Khi mượn tiền bà H, ông B hứa đến tháng 3/2025 sẽ trả lại số tiền trên cho bà. Tuy nhiên quá thời hạn trên bà đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền trên nhưng vợ chồng ông B và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Võ Văn B trả cho bà số tiền vốn vay là 13.125.000.000^d và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 14/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính ngày 14/07/2025 là 06 tháng, số tiền lãi là: 1.181.250.000^d. Tổng số tiền bà yêu cầu (tạm tính đến ngày 14/7/2025) là: 14.306.250.000^d (mười bốn tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn ông B và bà H trong quá trình giải quyết có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/09/2025 như sau:

Vợ chồng ông, bà có vay tiền của bà L số tiền vay gốc là: 12.000.000.000^d, lãi suất thoả thuận là 1,5%/tháng, vay vào ngày 17/7/2025 dl, thời hạn trả lãi là cuối hàng tháng, thời hạn trả vốn gốc là ngày 07/12/2025 mới đến hạn trả. Vợ chồng ông, bà ngưng trả lãi vào ngày 07/7/2025 đến nay không trả lãi cho bà L, vì làm ăn chưa có tiền nên nợ lãi của bà L không khả năng trả. Bà L có nhận 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 715888, sổ vào sổ là GCN H01515,

thửa số 689, tờ bản đồ số 04, diện tích 137m², đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ, do ông Võ Văn B đứng tên để làm tin.

Đối với tờ “Biên nhận” ngày 14/01/2025 do bà L cung cấp nộp cho Tòa án. Tòa án đã cho vợ chồng ông, bà xem, vợ chồng ông, bà xác định chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ ngày 14/01/2025 đúng là chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông, bà. Tuy nhiên, vợ chồng ông bà cho rằng “Biên nhận” ngày 14/01/2025 do bà L cung cấp cho Tòa án, xác định số tiền nợ gốc là 13.125.000.000^d (*mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu*) và tờ giấy không ghi tựa đề do vợ chồng ông, bà nộp, xác định số nợ gốc là 12.000.000.000^d (*mười hai tỷ đồng*) là một. Sở dĩ có hai biên nhận là do “Biên nhận” ngày 14/01/2025 có 12.000.000.000^d tiền nợ gốc cộng thêm tiền lãi phát sinh thành tiền nợ gốc là: 13.125.000.000^d, chứ thực chất vợ chồng ông, bà chỉ có nợ gốc của nguyên đơn số tiền: 12.000.000.000^d (*mười hai tỷ đồng*) theo tờ giấy ngày 07/7 không ghi năm. Nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả số tiền vay 12.000.000.000^d (*mười hai tỷ đồng*) tiền nợ gốc, phần tiền lãi thì xin được miễn vì đã trả lãi nhiều.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá L1, bà Trần Thị T có ý kiến trình bày tại đơn ngày 06/10/2025 như sau:

Trước đây vào ngày 12/9/2025, vợ chồng ông L1 có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Võ Văn B, bà Trần Thị H, số công chứng 5023/2025/CCGD tại văn phòng C, đối với thửa đất số 373, tờ bản đồ số 169, diện tích 1.515,5m², đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ, giá chuyển nhượng là 6.000.000.000^d, ông L1 và bà T đã thanh toán đầy đủ cho ông B, bà H vào ngày 12/09/2025.

Đến ngày 16/9/2025, ông Nguyễn Bá L1 tiếp tục ký hợp đồng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Võ Văn B và bà Trần Thị Hằng S1 công chứng 2776/2025/CCGD, tại Văn phòng C1, đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.217m², địa chỉ ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền, sử dụng đất số AA 02513546 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C cấp ngày 15 tháng 09 năm 2025. Giá chuyển nhượng là 10.000.000.000^d, số tiền đã thanh toán xong. Đối với các thửa đất nêu trên đã được ông B và bà H bàn giao căn nhà và quyền sử dụng đất trên thực địa và vợ chồng ông L1 và bà T đang quản lý sử dụng ổn định các thửa đất đó. Tuy nhiên, khi liên lạc đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết là ông B và bà H đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do ông B và bà H đang bị khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản nợ vay của người khác, nên không thể thực hiện thủ tục sang tên chủ quyền sử dụng đất cho ông L1 và bà T. Do đó, bằng văn bản này ông L1 và bà T yêu cầu được tham gia tố tụng với tư

cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông L1, bà T theo qui định. Đồng thời, ông L1, bà T có đơn yêu cầu độc lập nộp cho Tòa án ngày 06/10/2025.

Tại bản án sơ thẩm số 134/2025/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thúy L.

Buộc ông Võ Văn B và bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thúy L số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 23/11/2025 là: 14.955.937.000^d (mười bốn tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là: 13.125.000.000^d (mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng), lãi là: 1.830.937.000^d (một tỷ, tám trăm ba mươi triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày 24/11/2025, nếu bị đơn chậm trả số tiền nợ gốc trên cho nguyên đơn, còn phải tiếp tục chịu lãi, mức lãi 1,5%/tháng, đến khi bị đơn trả xong số tiền nợ gốc, được quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trịnh Thúy L về việc đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), số giấy AO 715888, số vào sổ GCN H01515, thửa số 689, tờ bản đồ số 04, diện tích ghi trong giấy là 137m², đất toạ lạc tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ, do ông Võ Văn B đứng tên, cho ông Võ Văn B, bà Trần Thị H, ở giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 11 năm 2025, bị đơn bà Trần Thị H và ông Võ Văn B có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tiền lãi theo đơn khởi kiện, xác định bị đơn chỉ nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 12.000.000.000^d (mười hai tỷ đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị đơn bà Trần Thị H và ông Võ Văn B thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả số tiền vốn và lãi cho nguyên đơn là 14.000.000.000^d (mười bốn tỷ đồng).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý giảm một phần tiền lãi theo bản án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 14.500.000.000^d (mười bốn tỷ, năm trăm triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá Toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan và buộc các bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn 14.955.937.000^d (trong đó tiền vốn 13.125.000.000^d và tiền lãi là 1.830.937.000^d) là có căn cứ; Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý giảm một phần tiền lãi cho các bị đơn, cụ thể là chỉ yêu cầu các bị đơn trả 14.500.000.000^d (trong đó tiền vốn 13.125.000.000^d và 1.375.000.000^d) sự tự nguyện giảm một phần tiền lãi của nguyên đơn là có lợi cho các bị đơn và không trái quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm (phần tiền lãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị đơn ông Võ Văn B và bà Trần Thị H có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là đúng theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Vào ngày 14/01/2025, bà L có cho ông B và bà H vay số tiền nợ gốc là: 13.125.000.000đ (*mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng*), để chứng minh cho lời trình bày của mình phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận ngày 14/01/2025 (bút lục:09) có nội dung “*tôi tên Võ Văn B sinh năm 1966 ấp Thạnh Lợi xã T cò đở và Trần Thị H 1969 ấp Thạnh Lợi xã T cò đở có mượn chị L số tiền 13.125.000.000 đ bằng chữ mười ba tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng. Tôi hứa bán được tài sản sẽ trả cho chị L*”. Quá trình giải quyết vụ án phía ông B và bà H thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình trên “*biên nhận*” ngày 14/01/2025, đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2]. Phía bị đơn cho rằng số tiền tại biên nhận ngày 14/01/2025 thì các bị đơn chỉ nợ của nguyên đơn tiền gốc 12.000.000.000^d, phần còn lại là tiền lãi, để

chứng minh cho lời trình bày của mình ông B và bà H đã cung cấp biên nhận ngày 07 tháng 7 (không có năm) – bút lục 12 ghi nhận “*số tiền mượn của bà L là 12.000.000.000 đ nếu có tiền sớm thì trả sớm nếu không thì tới ngày 07/12/2025 phải trả hoàn tất*”, biên nhận bản chính vợ chồng ông B đang quản lý. Xét thấy, lời trình bày của phía bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận và có nhiều mâu thuẫn, bởi lẽ các bị đơn cho rằng biên nhận ngày 14/01/2025 có 12.000.000.000^d tiền vốn vay, phần còn lại là tiền lãi, tổng cộng 13.125.000.000^d. Tuy nhiên, biên nhận ngày 07/7/2025 do các bị đơn cung cấp lại có mốc thời gian sau biên nhận ngày 14/01/2025 là không hợp lý; Mặt khác, biên nhận ngày 07/7/2025 do bị đơn tự viết và giao nộp chứng cứ đó cho Tòa án nhưng không được nguyên đơn thừa nhận nên chứng cứ trên không đảm bảo sự khách quan, nguyên đơn cũng xác định không khởi kiện bị đơn đối với biên nhận ngày 07/7 do bị đơn cung cấp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 buộc các bị đơn Võ Văn bạn và Trần Thị H có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn 13.125.000.000đ (*mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng*) và lãi suất 1,5%/tháng theo sự thỏa thuận các bên tính từ ngày 14/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/10/2025 là 1.830.937.000^d (*một tỷ, tám trăm ba mươi triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Tổng cộng 14.955.937.000^d (*mười bốn tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) là có căn cứ.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý giảm một phần tiền lãi cho bị đơn, chỉ yêu cầu các bị đơn trả tiền vốn 13.125.000.000^d (*mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi là 1.375.000.000^d (*một tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), tổng cộng 14.500.000.000^d (*mười bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*). Xét thấy, sự tự nguyện giảm một phần tiền lãi của nguyên đơn đối với các bị đơn là không trái quy định pháp luật và có lợi cho phía các bị đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Từ những nhận định trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; Chấp nhận đề nghị kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm nên được miễn nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn B và bà Trần Thị H.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 134/2025/DS-ST ngày 23/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ (phần tiền lãi).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thúy L.

Buộc ông Võ Văn B và bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thúy L số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 23/11/2025 là 14.500.000.000^d (*mười bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*). Trong đó, nợ gốc là 13.125.000.000^d (*mười ba tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi là 1.375.000.000^d (*một tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày 24/11/2025 nếu bị đơn chậm trả số tiền nợ gốc trên cho nguyên đơn, còn phải tiếp tục chịu lãi, mức lãi 1,5%/tháng, đến khi bị đơn trả xong số tiền nợ gốc, được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Văn B là người cao tuổi nên được miễn theo quy định. Bà Trần Thị H phải nộp số tiền án phí là: 61.250.000^d (*Sáu mươi một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng*). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 61.153.125^d (*sáu mươi một triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002419, ngày 21/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Án phí phúc thẩm: Bị đơn Võ Văn B được miễn, bà Trần Thị H phải nộp 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang án phí theo biên lai số 0008446 lập ngày 04/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần nhận định và quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 18 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 4 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 4 – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đào Thị Thủy